



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

NHÔM SULFAT			
Số CAS: 10043-01-3 Số UN: 233-135-0 Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): loại 8 (ăn mòn) Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):			
PHẦN I: Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp			
- Tên thường gọi của chất: Phèn nhôm			
- Tên thương mại: Aluminium Sulfate			
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG VŨ HOÀNG Lô 109, KCX Và CN Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. ĐT: (0276) 3899076 – 899077 – 899078 Fax: (0276) 3899075		Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH HOÁ CHẤT VÀ MÔI TRƯỜNG VŨ HOÀNG Lô 109, KCX Và CN Linh Trung III, Xã An Tịnh, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. ĐT: (0276) 3899076 – 899077 – 899078 Fax: (0276) 3899075	
- Mục đích sử dụng: Có nhiều ứng dụng trong ngành công nghiệp giấy, xử lý nước...			
PHẦN II: Thông tin về thành phần nguy hiểm			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% khối lượng)
Aluminium Sulfate	10043-01-3	Al ₂ (SO ₄) ₃ .14H ₂ O	17%
PHẦN III: Nhận dạng nguy hiểm			
1. Mức xếp loại nguy hiểm:			
Là chất độc, chất kích thích từ thấp đến trung bình. Sử dụng tránh tiếp xúc với da hoặc mắt, tránh phát tán và hít phải bụi. Khi xử lý với số lượng nhỏ khả năng hít phải bụi và ảnh hưởng có hại cho sức khỏe giảm.			
*Biểu tượng GHS:			
			
2. Cảnh báo nguy hiểm :			
- Đối với sức khỏe:			
+ Gây hại cho da và mắt. Nếu bị bắn vào mắt sẽ làm tổn thương mô mắt, đau mắt, chảy nước mắt, thậm chí mù mắt.			
+ Nếu hít phải quá nhiều có thể dẫn đến kích thích màng nhầy của mũi và cổ họng, gây ra ho, chóng mặt, và đau đầu.			
+ Dính vào da có thể gây kích ứng, ngứa, và phát ban trên da.			
+ Nuốt phải có thể gây ra đau đầu, buồn nôn, nôn mửa, kích thích tiêu hóa và tiêu chảy.			
PHẦN IV: Biện pháp sơ cứu khi gặp tai nạn			
1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt:			
Rửa sạch nhẹ nhàng bằng nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vẫn bị ngứa rát.			
2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da:			
Nhẹ nhàng rửa các vùng da bị ảnh hưởng với nước và xà phòng. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích vẫn còn.			
3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp:			

Nếu tiếp xúc quá mức, rời khu vực tiếp xúc ngay lập tức. Nếu có các triệu chứng tối thiểu khác, phải tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa:

Không được ép nôn. Nếu còn ý thức được, uống nước hoặc sữa magiê, nhưng không cung cấp bicarbonate để trung hòa. Chăm sóc y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có):

PHẦN V: Biện pháp chữa cháy

1. Xếp loại về tính cháy: không cháy

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: có thể tạo ra hơi khí độc gây khó chịu (các hợp chất của nhôm, lưu huỳnh)

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: không có

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: các chất chữa cháy thông thường.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: trang phục chữa cháy và mặt nạ phòng độc và quần áo bảo hộ chữa cháy.

PHẦN VI: Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Rửa với nhiều nước, ngăn chặn không để hóa chất chảy trực tiếp vào hệ thống cống rãnh, mạch nước ngầm hoặc các khu vực cấm.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Rửa với nhiều nước, ngăn chặn không để hóa chất chảy trực tiếp vào hệ thống cống rãnh, mạch nước ngầm hoặc các khu vực cấm.

PHẦN VII: Sử dụng và bảo quản

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:

Tránh tiếp xúc da, mắt và hít thở trong bụi.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

Lưu trữ nơi thoáng mát, nơi khô ráo và không bị ánh sáng mặt trời trực tiếp. Tránh xa vật liệu không tương thích được mô tả. Giữ vật chứa đóng kín khi không sử dụng. Thường xuyên kiểm tra sự cố tràn.

PHẦN VIII: Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết: Cung cấp hệ thống quạt thông gió tại nơi làm việc

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Chọn quần áo bảo hộ thích hợp ở nơi làm việc, tùy theo nồng độ và số lượng chất nguy hại. Độ bền của quần áo bảo hộ đối với hóa chất phải được xác định chắc chắn bởi nhà cung cấp.

- Bảo vệ mắt: cần thiết

- Bảo vệ hô hấp: cần thiết.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

- Bảo vệ cơ quan hô hấp: Tránh tạo ra và hít phải bụi. Nếu có bụi, phải mang mặt nạ thở chống bụi.

- Bảo vệ Tay: găng tay kháng hóa chất

- Bảo vệ mắt: Mang kính an toàn với lá chắn bên hoặc hóa chất kính bảo hộ và một lá chắn toàn mặt

- Bảo vệ da, và cơ thể: quần áo an toàn và giày dép phù hợp.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): thay ngay quần áo dính hóa chất, thoa kem chống nhiễm trùng bảo vệ da, rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

PHẦN IX: Đặc tính hóa lý

Trạng thái vật lý: rắn

Điểm sôi (108⁰C)

Màu sắc: trắng

Điểm nóng chảy (770⁰C)

Mùi đặc trưng: không mùi

Điểm bùng cháy (⁰C) (Flash point) theo phương pháp xác định

Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn

Nhiệt độ tự cháy (⁰C): không xác định

Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 1.13

Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)

Độ hòa tan trong nước: 36.4 g/100 ml (20oC) 89.0 g/100 ml (100oC)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ PH: 2.0 – 3.0	Tỷ lệ hoá hơi
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có:

PHẦN X: Tính ổn định và khả năng phản ứng

- 1. Tính ổn định:** ổn định
- 2. Khả năng phản ứng:** Cần tránh:
Vật liệu không tương thích, độ ẩm.
Không tương thích với tác nhân oxy hóa chất kiềm và mạnh mẽ.
Các oxit lưu huỳnh

PHẦN XI: Thông tin về độc tính

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Al ₂ (SO ₄) ₃	LD50	6207 mg / kg 274 mg / kg	Nuốt Trong phúc mạc	Chuột Chuột

- 1. Các ảnh hưởng mãn tính với người :**
- 2. Các ảnh hưởng độc khác:**
Không có chất nào được liệt kê như là chất gây ung thư bởi Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC), độc chất học Chương trình Quốc gia (NTP) hoặc Hội đồng vệ sinh học Mỹ công nghiệp của Chính phủ (ACGIH).

PHẦN XII: Thông tin về sinh thái môi trường

- 2. Tác động trong môi trường:** Độc hại cho cá và phiêu sinh vật. Khi sử dụng hợp lý không gây hư hại cho hệ thống xử lý nước thải.
- Độ độc đối với cá: C.carpio LC50: 42 mg/l/48h.
- Độ độc algeal: chlorella vulgaris IC50: 2.5 mg/l/72h.
- Độ độc daphnia: daphnia magna EC50: 7.7mg/l/24h.

PHẦN XIII: Biện pháp và quy định về tiêu hủy hóa chất

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy:** Hủy bỏ theo những nguyên tắc hiện hành
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải**
- 3. Biện pháp tiêu hủy:**
Tuân thủ các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương báo cáo phát hành. Nếu được chấp thuận, trung hòa và chuyển giao cho hệ thống xử lý.
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**

PHẦN XIV: Quy định về vận chuyển

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - 13/2003/NĐ-CP - 29/2005/NĐ-CP - 02/2004/TT-BCN						

PHẦN XV: Thông tin về luật pháp

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới: Việt Nam

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: chưa có thông tin

PHẦN XVI: Thông tin khác

Ngày tháng biên soạn phiếu 10/01/2017

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 20/01/2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hoá chất nguy hiểm trong phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.